

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu, ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 01/03/1993.

Căn cước/Số định danh cá nhân: 030193000739.

Nơi thường trú tại số 01 T1, phường L, thành phố Hải Phòng.

Trú tại tổ dân phố H, phường P, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Quang M**, sinh ngày 01/08/1993.

Căn cước/Số định danh cá nhân: 030093001083.

Nơi thường trú tại số 01 T1, phường L, thành phố Hải Phòng.

Trú tại số 338 L, phường L, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nay là phường L, thành phố Hải Phòng vào ngày

11/5/2016. Sau khi chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, T2 cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng năm 2022, anh M làm ăn Ta lố nên vợ chồng bất đồng về kinh tế, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh M chửi bới, xúc phạm chị, không quan tâm đến gia đình. Sau đó, anh M có xin lỗi chị cho cơ hội sửa chữa nhưng anh không thay đổi. Tháng 06/2025, anh M bảo chị làm đơn ly hôn và đuổi 03 mẹ con chị ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn kéo dài và không chịu được áp lực về mặt tinh thần nên chị đưa con nhỏ là Phạm Hải Phương V về sinh sống với bố mẹ đẻ của chị tại tổ dân phố H, phường P, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M để sớm ổn định tinh thần và cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Phạm Hải Phương T3, sinh ngày 06/6/2018 và Phạm Hải Phương V, sinh ngày 17/01/2023. Hiện cháu V ở với chị T, cháu T3 ở với anh M. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu V do cháu còn bé cần sự chăm sóc của mẹ, giao cho anh M tiếp tục nuôi cháu T3. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T đang làm tự do T nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, có sự hỗ trợ về vật chất và tinh thần của bố mẹ chị đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu V tốt nhất.

Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp chung cho hai bên gia đình: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng anh Phạm Quang M đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của mình về nội dung liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản xác M với tổ trưởng tổ dân phố số 1, phường L và Ủy ban nhân dân phường L thể hiện: Anh Phạm Quang M trú tại tổ dân phố số 1, phường L, thành phố Hải Phòng. Về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn như chị T khai là đúng. Về đời sống hôn nhân của chị T, anh M có phát sinh mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được do không có ai đề nghị hòa giải tại cơ sở. Từ tháng 06/2025, anh M cùng con gái lớn là Phạm Hải Phương T3 về nhà bố mẹ đẻ của anh M sinh sống tại số 338 L, phường L, thành phố Hải Phòng, chị T đưa con nhỏ về nhà ngoại.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Phạm Văn T2, bà Lê Thị Thanh H1 trình bày: Ông T2, bà H1 là bố mẹ đẻ của anh M nhưng không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng anh M. Từ tháng 06/2025, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đưa con nhỏ Phạm Hải Phương V về nhà ngoại ở xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cũ từ đó đến nay, còn anh M đưa con lớn

là Phạm Hải Phương T3 về ở với ông bà. Sau đó vợ chồng mỗi người một nơi đã không còn quan tâm đến nhau, không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh M đang kinh doanh tự do, có T nhập ổn định, có sự hỗ trợ của ông bà nên đủ điều kiện tiếp tục nuôi dưỡng cháu T3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Quang M. Về con chung: Giao cho anh Phạm Quang M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Hải Phương T3, sinh ngày 06/6/2018 và chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Hải Phương V, sinh ngày 17/01/2023 cho đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Quang M. Bị đơn cư trú tại phường L, thành phố Hải Phòng nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Nhận thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 5 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nay là phường L, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh M chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xô xát ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nên chị T xin ly hôn với M. Quá trình giải quyết vụ án, anh M không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến, nguyện vọng xin hòa giải đoàn tụ với chị T. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T ly hôn anh M là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang M có 02 con chung là Phạm Hải Phương T3, sinh ngày 06/6/2018 và Phạm Hải Phương V, sinh ngày 17/01/2023. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, ý kiến của con chung cũng như điều kiện nuôi con của hai bên. Hiện anh M đang nuôi dưỡng cháu T3, chị T đang nuôi dưỡng cháu V sinh hoạt, học tập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Phạm Hải Phương T3 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Hải Phương V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Quang M.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Quang M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Hải Phương T3, sinh ngày 06/6/2018 và chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Hải Phương V, sinh ngày 17/01/2023 cho đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005281 ngày 28/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND P.L, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Linh